TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:18/2020/DS-ST
Ngày: 27-5-2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Cao Trọng Mãnh

2. Bà Trần Lệ Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa*: trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng A**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: tổ 3, ấp Hòa Khánh, xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh M**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: số 107/1 đường Võ Trường Toản, khu phố Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hằng**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: số 107/1 Võ Trường Toản, KP. Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Ông M và bà A có mặt tại phiên tòa, bà Hằng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Nguyên vào ngày 10-6-2016 ông Nguyễn Minh M có vay của Bà số tiền 40.000.000 đồng. Vào ngày 15-3-2018 ông M có hẹn bà đến ngày 05-4-2018 trả 11.000.000 đồng và hàng tháng sẽ trả 5.000.000 đồng và tiền lãi 5%/tháng. Đến nay ông M vẫn không trả nợ như lời hứa dù bà có nhiều lần yêu cầu thanh toán dứt nợ gốc 40.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông M trả số tiền nợ vay vốn gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10-6-2016 đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả tiền. Bà thừa nhận có nhận một lần 10.000.000 đồng tiền lãi do ông M đóng lãi gởi qua tài khoản của con bà, ngoài ra ông M có gởi một vài lần đóng lãi nhưng bà không nhớ.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng A có ý kiến: Bà yêu cầu ông M trả số tiền nợ vay vốn gốc 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà yêu cầu ông M trả hết số tiền 40.000.000 đồng một lần, không chấp nhận trả nợ dần mỗi tháng 4.000.000 đồng như phương án của ông Mẫn. Bà không yêu cầu trách nhiệm của bà Nguyễn Thị Tuyết Hằng vợ của ông Mẫn vì chỉ có ông Mẫn là người trực tiếp vay tiền và sử dụng tiền của bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Minh M trình bày:

Trước đây, ông có làm việc tại huyện Giang Thành nên có quen bà Hồng A. Bà Hồng A là người chuyên cho vay tiền, nên ông có hỏi vay tiền của bà Hồng A từ năm 2012, vay rồi trả xong. Số tiền nợ bà Hồng A khởi kiện, ông thừa nhận là có vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 10-6-2016, khi vay có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Sau đó, ông có đóng lãi cho bà Hồng A hàng tháng đầy đủ. Từ tháng 7-2016 đến tháng 10-2016 ông đóng lãi đưa tiền trực tiếp cho bà Hồng, khi đưa không có ký nhận giữa hai bên. Sau đó, từ tháng 11-2016 đến tháng 7-2018 mỗi tháng ông gởi xe khách nhờ đưa xuống giao bà Hồng A để đóng lãi (khi gởi bỏ trong bao thư nên xe khách cũng không biết ông gởi số tiền bao nhiêu và để làm gì) và 01 lần đóng trực tiếp 11.000.000 đồng nợ lãi cho bà Hồng A. Các lần đóng lãi cho bà Hồng A đều không có ai biết và chứng kiến, giữa hai bên không có ký nhận. Ông vay tiền bà A để nuôi sò huyết nhưng do thất bại nên không có khả năng trả nợ.

Ngày 24-10-2018 ông có viết cam kết trả nợ cho bà Hồng A 10.000.000 đồng và hàng tháng vào ngày 05 sẽ gửi trả 5.000.000 đồng. Nhưng sau đó, ông chỉ gởi trả được cho bà Hồng A số tiền 10.000.000 đồng, gửi vào tài khoản của con bà A. Nay do hai bên không thống nhất số tiền 10.000.000 đồng đã trả nợ gốc hay nợ lãi nên ông cũng thống nhất theo trình bày bà A, chấp nhận trả bà A số tiền 40.000.000 đồng vốn gốc,

không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng, yêu cầu được trả nợ dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, đề nghị bà A bỏ yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông M có ý kiến: Ông chấp nhận trả bà Hồng A số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng vì gần hai năm nay ông cũng ngưng đóng lãi cho bà A. Ông yêu cầu bà A bỏ tiền lãi, ông yêu cầu trả bà A mỗi tháng 4.000.000 đồng vì hiện nay tiền lương hưu của ông mỗi tháng chỉ có 9.000.000 đồng còn phải lo sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra, ông còn nợ một số chủ nợ khác và nợ ngân hàng nữa nên không có khả năng trả một lần hết số nợ như yêu cầu của bà A. Khoản nợ là cá nhân ông sử dụng nên không yêu cầu bà Hằng (vợ ông) cùng trả với ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Hằng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại số 107/1 Võ Trường Toản, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Hằng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Hằng.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng A với bị đơn ông Nguyễn Minh M là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ vay 40.000.000 đồng đã được bị đơn thừa nhận là: ông Mẫn có vay của bà A số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 10-6-2016 đến nay chưa trả. Do vậy, hai bên đã tự nguyện xác lập giao dịch, nội dung không trái pháp luật nên ông Mẫn đã nhận tiền bằng giao dịch vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà A theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về cách trả nợ hai bên không thống nhất. Bà A yêu cầu ông M phải trả một lần hết số nợ 40.000.000 đồng, ông M yêu cầu được trả nợ dần số nợ, mỗi tháng trả

4.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu trả nợ dần của bị đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Minh M có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị Hồng A số tiền nợ vay 40.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi bà A rút yêu cầu tại phiên tòa, xét thấy việc rút yêu cầu của bà A là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, án phí trên số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng A được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0001717, ngày 10-02-2020 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 36; 39; 147; khoản 1 Điều 227; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Minh M.

2. Buộc ông Nguyễn Minh M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng A số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả dứt số nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả của bà Nguyễn Thị Hồng A.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Minh M phải nộp án phí 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng A được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0001717, ngày 10-02-2020 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-5-2020). Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-3-2020).